TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/5/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Vĩnh Tiến, xã VH, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đặng TN, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản công khai tài liệu chứng cứ và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị TH trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đặng TN chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện PG, tỉnh Bình Dương, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N không quan tâm chăm sóc vợ con, đi làm không phụ về mặt kinh tế cho bà nuôi con, thường xuyên nói dối bà, ông bà có cãi vả nhau, ông bà đã sống ly thân với nhau hơn 04 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà H kiên quyết xin được ly hôn với ông Đặng TN.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là Đặng CH, sinh ngày 30/10/2014 và Đặng CV, sinh ngày 28/4/2018. Hiện các con đang sống

cùng với bà H. Khi ly hôn bà H xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản công khai tài liệu chứng cứ và biên bản hòa giải bị đơn ông Đặng TN trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, ông N thống nhất với lời trình bày của bà H, còn về nguyên nhân mâu thuẫn ông N chỉ thừa nhận một phần, tuy ông N đi làm ông N không đưa tiền cho vợ nhưng ông N cũng dùng tiền đó để mua sắm vật dụng trong gia đình, không tiêu xài cho mục đích cá nhân của ông N, vợ chồng ông N có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn đoàn tụ được, hiện tại đã sống ly thân nhưng ông N vẫn qua lại thăm nom con. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được nên ông N mong muốn Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng ông thêm thời gian suy nghĩ, thêm thời gian để vợ chồng có thể hàn gắn. Chính vì vậy, ông N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Đặng CH, sinh ngày 30/10/2014 và Đặng CV, sinh ngày 28/4/2018. Nếu bà H kiên quyết xin ly hôn và trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông N đồng ý cho bà H nuôi con, nhưng phải đảm bảo quyền thăm nom con của ông N theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, ông N muốn hàn gắn vợ chồng nhưng không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc, bà H cũng không muốn quay về sống chung với ông N nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị TH đối với ông Đặng TN; về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Đặng CH, sinh ngày 30/10/2014 và Đặng CV, sinh ngày 28/4/2018 cho bà H nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đặng CH, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại khu phố 9, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề

nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị TH và bị đơn ông Đặng TN có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị TH và ông Đặng TN là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã VH, huyện PG, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/01/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không quan tâm chăm sóc vợ con, đi làm không phụ về mặt kinh tế cho bà nuôi con, thường xuyên nói dối bà, ông bà có cãi vả nhau, ông bà đã sống ly thân. Ông N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại ông bà đã sống ly thân với nhau, nhưng ông cho rằng có thể hàn gắn được, ông mong muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn.

[4] Tại Biên bản xác minh đại diện chính quyền địa phương thị trấn PV, huyện PG, tỉnh Bình Dương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì địa phương không nắm rõ do nguyên đơn và bị đơn giải quyết nội bộ với nhau, không yêu cầu địa phương giải quyết, tuy nhiên hiện tại thì bà H và ông N đã ly thân với nhau.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị TH và bị đơn ông Đặng TN đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà, ông N muốn hàn gắn vợ chồng nhưng không có biện pháp nào để xây dựng gia đình hạnh phúc, bà H cũng không muốn quay về sống chung với ông N. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Đặng CH, sinh ngày 30/10/2014 và Đặng CV, sinh ngày 28/4/2018, con chung Đặng CH đã trên 07 tuổi nên nguyên đơn, bị đơn tôn trọng theo nguyện vọng của con. Tại Bản tự khai ngày 14/01/2022 cháu Đặng CH có nguyện vọng sống cùng bà H, bà H đồng ý nuôi con, ông N cũng đồng ý cho bà H nuôi con nên HĐXX giao con chung Đặng CH và Đặng CV cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị TH đối với bị đơn ông Đặng TN về việc "Tranh chấp ly hôn".

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị TH được ly hôn với ông Đặng TN.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đặng CH, sinh ngày 30/10/2014 và Đặng CV, sinh ngày 28/4/2018 cho bà Nguyễn Thị TH trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Đặng TN. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị TH phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0007929 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Khoa